

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 179/2021/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Nguyễn Nhật V, sinh năm 1985; Địa chỉ: 16/173 PĐ, phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Chị Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số nhà 22/10 kiệt 162 NC, phường VD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PN, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 15/5/2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Anh Nguyễn Nhật V ham chơi, không quan tâm vợ con nên thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D xác nhận tình cảm không còn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh V, chị D.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Nhật V, chị Trần Thị Ngọc D xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 27/7/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị D. Các đương sự thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Trần Nhật A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Nhật V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến

khi cháu A trưởng thành đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 4 năm 2021, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D.

- Về con chung: Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 27/7/2015. Hiện nay con chung đang ở với chị D. Các đương sự thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Trần Nhật A cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Nhật V có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Duy trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Nhật V và chị Trần Thị Ngọc D mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh V và chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000511 ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh V và chị D đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT.Huế;
- VKSND TP. Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND phường PN, TP.H,
- (ĐKKH số 32 ngày 15.5.2015);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Trương Thị Đào Vi